



CÔNG TY TNHH KIỂM TOÁN VÀ ĐỊNH GIÁ VIỆT NAM
THÀNH VIÊN HÃNG KIỂM TOÁN BKR INTERNATIONAL
Chuyên ngành Kiểm toán, Định giá, Tư vấn tài chính, kế toán, thuế

TỔNG CÔNG TY ĐỨC GIANG - CÔNG TY CỔ PHẦN
BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT
ĐÃ ĐƯỢC KIỂM TOÁN
cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2014

MỤC LỤC

NỘI DUNG

TRANG

BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

02 - 03

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

04 - 05

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT

06 - 07

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT

08

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT

09

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

10 - 31

0120
CÔNG
CHÍNH
KIỂM TOÁN
VIỆT
GIẤY

BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Chúng tôi, các thành viên Ban Tổng giám đốc Tổng Công ty Đức Giang - Công ty Cổ phần (sau đây gọi tắt là “Tổng Công ty”) trình bày Báo cáo này cùng với Báo cáo tài chính hợp nhất của của Tổng Công ty đã được kiểm toán cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2014.

Hội đồng quản trị và Ban Tổng giám đốc

Các thành viên Hội đồng quản trị và Ban Tổng giám đốc điều hành Tổng Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2014 và đến ngày lập Báo cáo tài chính hợp nhất, gồm:

Hội đồng quản trị

Ông Hoàng Vệ Dũng

Ông Phạm Đức Long

Ông Phạm Tiến Lâm

Bà Đào Thị Bích Khánh

Bà Nguyễn Thị Thanh Hà

Ông Phạm Thanh Tùng

Ông Nguyễn Văn Tuấn

Ban Tổng giám đốc

Ông Phạm Tiến Lâm

Ông Vũ Trung Đông

Ông Dương Văn Thảo

Ông Lê Đức Chiến

Ông Phạm Thanh Tùng

Ông Nguyễn Văn Tuấn

Ông Đinh Đức Hải

Chức vụ

Chủ tịch

Ủy viên (miễn nhiệm ngày 20/4/2015)

Ủy viên

Ủy viên (miễn nhiệm ngày 20/4/2015)

Ủy viên (miễn nhiệm ngày 20/4/2015)

Ủy viên (bỏ nhiệm ngày 20/4/2015)

Ủy viên (bỏ nhiệm ngày 20/4/2015)

Chức vụ

Tổng Giám đốc

Phó Tổng giám đốc (miễn nhiệm ngày 20/4/2015)

Phó Tổng giám đốc (miễn nhiệm ngày 20/4/2015)

Phó Tổng giám đốc (miễn nhiệm ngày 20/4/2015)

Phó Tổng giám đốc (bỏ nhiệm ngày 20/4/2015)

Giám đốc điều hành (bỏ nhiệm ngày 20/4/2015)

Kế toán trưởng

Trách nhiệm của Ban Tổng giám đốc

Ban Tổng giám đốc Tổng Công ty có trách nhiệm lập báo cáo tài chính hợp nhất phản ánh một cách trung thực và hợp lý tình hình tài chính cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ của Tổng Công ty trong năm, phù hợp với chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất.

Trong việc lập các báo cáo tài chính hợp nhất này, Ban Tổng giám đốc được yêu cầu phải:

- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách đó một cách nhất quán;
- Đưa ra các phán đoán và ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ các nguyên tắc kế toán thích hợp có được tuân thủ hay không, có những áp dụng sai lệch trọng yếu cần được công bố và giải thích trong báo cáo tài chính hay không;
- Lập báo cáo tài chính trên cơ sở hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể cho rằng Tổng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động kinh doanh; và

BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

(tiếp theo)

- Thiết kế và thực hiện hệ thống kiểm soát nội bộ một cách hữu hiệu cho mục đích lập và trình bày báo cáo tài chính hợp lý nhằm hạn chế rủi ro và gian lận.

Ban Tổng giám đốc Tổng Công ty chịu trách nhiệm đảm bảo rằng sổ kế toán được ghi chép một cách phù hợp để phản ánh một cách hợp lý tình hình tài chính của Tổng Công ty ở bất kỳ thời điểm nào và đảm bảo rằng báo cáo tài chính tuân thủ chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất. Ban Tổng giám đốc cũng chịu trách nhiệm đảm bảo an toàn cho tài sản của Tổng Công ty và thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và sai phạm khác.

Ban Tổng giám đốc xác nhận rằng Tổng Công ty đã tuân thủ các yêu cầu nêu trên trong việc lập báo cáo tài chính hợp nhất.

Thay mặt và đại diện cho,

TỔNG CÔNG TY ĐỨC GIANG - CÔNG TY CỔ PHẦN



Phạm Tiến Lâm
Tổng Giám đốc

Hà Nội, ngày 19 tháng 05 năm 2015

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

Kính gửi: Các cổ đông
Hội đồng quản trị và Ban Tổng giám đốc
Tổng Công ty Đức Giang - Công ty Cổ phần

Chúng tôi đã kiểm toán Báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo của Tổng Công ty Đức Giang – Công ty Cổ phần (gọi tắt là “Tổng Công ty”), được lập ngày 19/5/2015, từ trang 06 đến trang 31, bao gồm: Bảng cân đối kế toán hợp nhất tại ngày 31/12/2014, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất cho năm tài chính kết thúc cùng ngày và Bản Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất.

Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc

Ban Tổng giám đốc Tổng Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính hợp nhất của Tổng Công ty theo chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về báo cáo tài chính hợp nhất dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu báo cáo tài chính hợp nhất của Tổng Công ty có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên báo cáo tài chính hợp nhất. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong báo cáo tài chính hợp nhất do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Tổng Công ty liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Tổng Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Tổng giám đốc cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể báo cáo tài chính hợp nhất.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.

Ý kiến của kiểm toán viên

Theo ý kiến của chúng tôi, báo cáo tài chính hợp nhất đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu tình hình tài chính của Tổng Công ty tại ngày 31/12/2014, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất.

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

(tiếp theo)

Báo cáo kiểm toán được lập thành sáu (06) bản bằng tiếng Việt. Tổng Công ty Đức Giang - Công ty Cổ phần giữ 05 bản, Công ty TNHH Kiểm toán và Định giá Việt Nam giữ 01 bản. Các bản có giá trị pháp lý như nhau.




Phạm Hùng Sơn
Phó Tổng giám đốc
Số Giấy CN ĐKHN kiểm toán: 0813-2013-034-1



Ngô Bá Duy
Kiểm toán viên
Số Giấy CN ĐKHN kiểm toán: 1107-2013-034-1

Thay mặt và đại diện cho
CÔNG TY TNHH KIỂM TOÁN VÀ ĐỊNH GIÁ VIỆT NAM

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT

Tại ngày 31/12/2014

Đơn vị tính: VND

TÀI SẢN	MÃ SỐ	THUYẾT MINH	31/12/2014	01/01/2014
A. TÀI SẢN NGẮN HẠN	100		565.123.280.321	503.063.663.508
(100 = 110 + 120 + 130 + 140 + 150)				
I. Tiền và các khoản tương đương tiền	110	V.1	176.773.001.814	149.003.574.594
1. Tiền	111		28.073.743.365	36.333.039.635
2. Các khoản tương đương tiền	112		148.699.258.449	112.670.534.959
II. Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn	120		4.000.000.000	-
1. Đầu tư ngắn hạn	121		4.000.000.000	-
III. Các khoản phải thu ngắn hạn	130	V.2	227.397.725.825	148.101.446.995
1. Phải thu của khách hàng	131		197.493.259.719	133.260.449.741
2. Trả trước cho người bán	132		20.795.875.207	5.110.610.628
5. Các khoản phải thu khác	135	V.3	10.043.399.149	9.988.687.746
6. Dự phòng các khoản phải thu khó đòi	139		(934.808.250)	(258.301.120)
IV. Hàng tồn kho	140		125.240.815.866	172.544.721.192
1. Hàng tồn kho	141	V.4	125.240.815.866	172.544.721.192
V. Tài sản ngắn hạn khác	150		31.711.736.816	33.413.920.727
2. Thuế GTGT được khấu trừ	152		31.596.381.921	27.050.838.221
3. Thuế và các khoản phải thu Nhà nước	154	V.5	18.000.000	18.000.000
4. Tài sản ngắn hạn khác	158		97.354.895	6.345.082.506
B. TÀI SẢN DÀI HẠN	200		128.558.774.159	126.122.767.763
(200 = 210 + 220 + 240 + 250 + 260+269)				
I. Các khoản phải thu dài hạn	210			-
II. Tài sản cố định	220		30.486.212.218	30.742.619.492
1. TSCĐ hữu hình	221	V.6	30.093.420.400	30.526.042.573
- Nguyên giá	222		83.599.752.501	75.912.660.352
- Giá trị hao mòn lũy kế	223		(53.506.332.101)	(45.386.617.779)
2. TSCĐ thuê tài chính	224		-	-
3. TSCĐ vô hình	227	V.7	-	28.330.555
- Nguyên giá	228		1.433.401.616	1.433.401.616
- Giá trị hao mòn lũy kế	229		(1.433.401.616)	(1.405.071.061)
4. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	230	V.8	392.791.818	188.246.364
III. Bất động sản đầu tư	240		-	-
IV. Các khoản đầu tư tài chính dài hạn	250	V.9	95.057.090.419	91.689.626.049
2. Đầu tư vào Công ty liên kết, liên doanh	252		90.057.090.419	86.689.626.049
3. Đầu tư dài hạn khác	258		5.000.000.000	5.000.000.000
V. Tài sản dài hạn khác	260		3.015.471.522	3.690.522.222
1. Chi phí trả trước dài hạn	261	V.10	3.015.471.522	3.690.522.222
VI. Lợi thế thương mại	269		-	-
TỔNG CỘNG TÀI SẢN (270=100+200)	270		693.682.054.480	557.822.149.109

(Các thuyết minh từ trang 10 đến trang 31 là bộ phận hợp thành của Báo cáo tài chính hợp nhất này)

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT

Tại ngày 31/12/2014

(tiếp theo)

Đơn vị tính: VND

NGUỒN VỐN	MÃ SỐ	THUYẾT MINH	31/12/2014	01/01/2014
A. NỢ PHẢI TRẢ (300 = 310 + 330)	300		497.149.256.212	446.490.558.713
I. Nợ ngắn hạn	310		494.627.294.638	443.998.597.139
1. Vay và nợ ngắn hạn	311	V.11	34.833.483.336	7.379.750.000
2. Phải trả người bán	312		367.504.590.698	345.127.824.033
3. Người mua trả tiền trước	313		14.531.469.029	22.186.429.252
4. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	314	V.12	5.465.967.980	7.211.508.161
5. Phải trả người lao động	315		38.154.142.340	47.414.918.587
6. Chi phí phải trả	316	V.13	750.483.276	-
9. Các khoản phải trả, phải nộp ngắn hạn khác	319	V.14	6.340.543.801	8.016.103.729
10. Dự phòng phải trả ngắn hạn	320		14.721.749.219	-
11. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	323		12.324.864.959	6.662.063.377
II. Nợ dài hạn	330		2.521.961.574	2.491.961.574
3. Phải trả dài hạn khác	333		41.797.221	11.797.221
4. Vay và nợ dài hạn	334	V.15	2.480.164.353	2.480.164.353
B. VỐN CHỦ SỞ HỮU (400 = 410 + 430)	400		196.532.798.268	182.695.872.558
I. Vốn chủ sở hữu	410	V.16	196.431.808.268	182.594.882.558
1. Vốn đầu tư của chủ sở hữu	411		61.811.600.000	61.811.600.000
2. Thặng dư vốn cổ phần	412		-	10.000.000.000
3. Vốn khác của chủ sở hữu	413		3.158.493.310	3.158.493.310
7. Quỹ đầu tư phát triển	417		22.195.352.653	19.345.987.082
8. Quỹ dự phòng tài chính	418		16.516.217.077	12.127.704.506
10. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	420		92.750.145.228	76.151.097.660
II. Nguồn kinh phí và quỹ khác	430		100.990.000	100.990.000
2. Nguồn kinh phí	432		100.990.000	100.990.000
3. Nguồn kinh phí đã hình thành TSCĐ	433		-	-
C. LỢI ÍCH CỦA CỔ ĐÔNG THIỂU SỐ	439		-	-
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN (440=300+400+439)	440		693.682.054.480	557.822.149.109

Hà Nội, ngày 19 tháng 5 năm 2015

TỔNG CÔNG TY ĐỨC GIANG - CÔNG TY CỔ PHẦN

Người lập



Nguyễn Thị Vân Oanh

Kế toán trưởng



Đinh Đức Hải

Tổng Giám đốc



Phạm Tiến Lâm

(Các thuyết minh từ trang 10 đến trang 31 là bộ phận hợp thành của Báo cáo tài chính hợp nhất này)

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2014

Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	MÃ SỐ	THUYẾT MINH	Năm 2014 VND	Năm 2013 VND
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	V.18	1.823.238.640.344	1.557.320.241.333
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02	V.19	8.161.203.702	55.959.400
3. Doanh thu thuần bán hàng và cung cấp dịch vụ (10 = 01 - 02)	10	V.20	1.815.077.436.642	1.557.264.281.933
4. Giá vốn hàng bán	11	V.21	1.633.855.359.563	1.422.755.787.659
5. Lợi nhuận gộp bán hàng và cung cấp dịch vụ (20 = 10 - 11)	20		181.222.077.079	134.508.494.274
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	V.22	9.101.436.708	16.361.861.596
7. Chi phí tài chính	22	V.23	7.584.721.662	4.575.912.594
Trong đó: Chi phí lãi vay	23		677.410.875	1.008.910.216
8. Chi phí bán hàng	24		58.339.109.919	48.053.592.630
9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	25		83.593.247.997	63.852.374.082
10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh [30 = 20 + (21 - 22) - (24 + 25)]	30		40.806.434.209	34.388.476.564
11. Thu nhập khác	31		1.143.144.146	1.607.184.359
12. Chi phí khác	32		356.308.689	791.996.126
13. Lợi nhuận khác (40 = 31 - 32)	40		786.835.457	815.188.233
14. Lãi hoặc lỗ trong công ty liên kết, liên doanh	45		15.168.484.510	20.281.778.797
15. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế (50 = 30 + 40 + 45)	50		56.761.754.176	55.485.443.594
16. Chi phí thuế TNDN hiện hành	51		8.177.445.046	8.479.045.046
18. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp (60 = 50 - 51 - 52)	60		48.584.309.130	47.006.398.548
18.1. Lợi nhuận sau thuế của cổ đông thiểu số	61		-	-
18.2. Lợi nhuận sau thuế của cổ đông của công ty mẹ	62		33.415.824.620	25.517.770.303
19. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70	V.24	7.860	7.605

Hà Nội, ngày 19 tháng 5 năm 2015

TỔNG CÔNG TY ĐỨC GIANG - CÔNG TY CỔ PHẦN

Người lập

Trưởng phòng kế toán

Tổng Giám đốc

Nguyễn Thị Vân Oanh

Đinh Đức Hải

Phạm Tiến Lâm

(Các thuyết minh từ trang 10 đến trang 31 là bộ phận hợp thành của Báo cáo tài chính hợp nhất này)

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT

(Theo phương pháp trực tiếp)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2014

Đơn vị tính: VND

STT	CHỈ TIÊU	MÃ SỐ	TM	Năm 2014 VND	Năm 2013 VND
I	Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh				
1	Tiền thu từ bán hàng, cung cấp dịch vụ & doanh thu khác	01		2.038.850.530.532	1.731.152.544.917
2	Tiền chi trả cho người cung cấp hàng hoá & dịch vụ	02		(1.748.799.490.397)	(1.628.033.075.952)
3	Tiền chi trả cho người lao động	03		(181.682.542.353)	(166.463.187.573)
4	Tiền chi trả lãi vay	04		(2.299.641.841)	(997.006.494)
5	Tiền chi nộp thuế thu nhập doanh nghiệp	05		(8.878.005.835)	(8.986.144.742)
6	Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	06		39.885.307.830	86.986.956.285
7	Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	07		(104.663.097.117)	(77.957.457.029)
	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20		32.413.060.819	(64.297.370.588)
II	Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư				
1	Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ & các TS dài hạn khác	21		(4.439.094.545)	(8.494.154.632)
2	Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán TSCĐ & các TS dài hạn khác	22		-	387.090.909
3	Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác	23		(4.000.000.000)	-
4	Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác	24		(6.000.000.000)	(5.576.450.000)
5	Tiền chi đầu tư góp vốn vào các đơn vị khác	25		-	-
6	Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào các đơn vị khác	26		-	2.501.240.000
7	Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27		1.936.197.905	10.984.655.086
	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30		(12.502.896.640)	(197.618.637)
III	Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính				
1	Tiền thu từ phát hành cổ phiếu, nhận vốn góp của chủ sở hữu	31		-	-
2	Tiền chi trả vốn góp, mua lại cổ phiếu của DN đã phát hành	32		-	(578.536.303)
3	Tiền vay ngắn hạn, dài hạn đã nhận được	33		241.278.744.609	187.887.765.684
4	Tiền chi trả nợ gốc vay	34		(214.876.480.322)	(205.458.047.306)
5	Tiền chi trả nợ thuê tài chính	35		-	-
6	Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36		(18.543.480.601)	(11.149.560.825)
	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40		7.858.783.686	(29.298.378.750)
	Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ (50 = 20 + 30 + 40)	50		27.768.947.865	(93.793.367.975)
	Tiền và tương đương tiền đầu kỳ	60		149.003.574.594	242.394.884.141
	Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61		479.355	402.058.428
	Tiền và tương đương tiền cuối kỳ (70 = 50 + 60 + 61)	70	V.01	176.773.001.814	149.003.574.594

Hà Nội, ngày 19 tháng 5 năm 2015

TỔNG CÔNG TY ĐỨC GIANG - CÔNG TY CỔ PHẦN

Người lập

Kế toán trưởng

Tổng Giám đốc





Nguyễn Thị Vân Oanh

Đinh Đức Hải

Phạm Tiến Lâm

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2014

I. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA DOANH NGHIỆP

1. Hình thức sở hữu vốn

Tổng Công ty Đức Giang - Công ty Cổ phần (sau đây gọi tắt là "Tổng Công ty") tiền thân là Công ty May Đức Giang trực thuộc Tổng Công ty Dệt may Việt Nam, được thành lập theo Quyết định số 221/CNN/TCLĐ ngày 24/03/1993 của Bộ trưởng Bộ Công nghiệp nhẹ và chính thức chuyển thành Công ty Cổ phần từ ngày 01/01/2006 theo Quyết định số 2882/QĐ-BCN ngày 13/09/2005 của Bộ trưởng Bộ Công nghiệp (nay là Bộ Công thương) và hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 0103010468 do Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hà Nội cấp đăng ký lần đầu ngày 28/12/2005. Công ty có 3 lần thay đổi giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh.

Theo Giấy đăng ký kinh doanh thay đổi lần 3 ngày 28/11/2009 thì vốn điều lệ của Công ty là: **51.855.000.000 đồng** (Năm mươi một tỷ, tám trăm năm mươi lăm triệu đồng).

2. Lĩnh vực kinh doanh

Công ty hoạt động trong lĩnh vực sản xuất kinh doanh ngành may mặc.

3. Ngành nghề kinh doanh

Sản xuất, kinh doanh, xuất nhập khẩu các sản phẩm dệt may, nguyên phụ liệu, máy móc, thiết bị, phụ tùng, linh kiện ngành dệt may; thu gom rác thải không độc hại; Xử lý và tiêu hủy rác thải độc hại; Tái chế phế liệu;

Kinh doanh, xuất nhập khẩu các sản phẩm thủ công mỹ nghệ, sản phẩm nông nghiệp, lâm nghiệp, hải sản, thực phẩm công nghệ;

Kinh doanh các sản phẩm dân dụng, thiết bị văn phòng, phương tiện vận tải, vật liệu điện, điện tử, điện lạnh, cao su;

Nhập khẩu sắt thép, gỗ, máy móc, thiết bị, vật tư, nguyên liệu cho sản xuất kinh doanh, kinh doanh kim loại màu (kẽm, đồng, nhôm, chì) làm nguyên liệu cho sản xuất;

Kinh doanh vận tải đường bộ và đường thủy, dịch vụ xuất nhập khẩu;

Kinh doanh bất động sản, xây dựng và kinh doanh cho thuê nhà làm văn phòng, trung tâm thương mại, siêu thị và nhà ở;

Kinh doanh khách sạn, nhà hàng, lưu trú du lịch, kinh doanh du lịch lữ hành nội địa và quốc tế (không bao gồm kinh doanh phòng hát karaoke, vũ trường, quán bar).

Địa chỉ: Số 59 - Đức Giang - Long Biên - Hà Nội

Tel: 043 8770 643 Fax: 043 8271 896

4. Danh sách các Công ty con được hợp nhất của Tổng Công ty

Tổng số các công ty con: 01 Công ty

Số lượng các Công ty con được hợp nhất: 01 Công ty

1. Công ty TNHH May Đức Giang
 - Địa chỉ: Số 59 Đức Giang, Long Biên, Hà Nội
 - Tỷ lệ lợi ích của Công ty mẹ: 100%
 - Quyền biểu quyết của Công ty mẹ: 100%

5. Danh sách các Công ty liên kết quan trọng được phản ánh vào trong Báo cáo tài chính hợp nhất theo phương pháp vốn chủ sở hữu:

1. Công ty CP Sản xuất thương mại và đầu tư Việt Thanh
 - Địa chỉ: Số 355 Bà Triệu, phường Đông Thọ, thành phố Thanh Hóa, tỉnh Thanh Hóa
 - Tỷ lệ phần sở hữu: 23%
 - Tỷ lệ quyền biểu quyết: 23%



BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2014
(tiếp theo)

- | | |
|--|---|
| 2. Công ty CP Thời trang phát triển cao | - Địa chỉ: Thôn Vân Lôi, xã Bình Yên, huyện Thạch Thất, Hà Nội
- Tỷ lệ phần sở hữu: 28%
- Tỷ lệ quyền biểu quyết: 28% |
| 3. Công ty CP Bình Mỹ | - Địa chỉ: Xã Trung Lương, huyện Bình Lục, tỉnh Hà Nam
- Tỷ lệ phần sở hữu: 21%
- Tỷ lệ quyền biểu quyết: 21% |
| 4. Công ty CP May Đức Hạnh | - Địa chỉ: Xã Trung Lương, huyện Bình Lục, tỉnh Hà Nam
- Tỷ lệ phần sở hữu: 30%
- Tỷ lệ quyền biểu quyết: 30% |
| 5. Công ty TNHH May Hưng Nhân | - Địa chỉ: Thành phố Thái Bình, tỉnh Thái Bình
- Tỷ lệ phần sở hữu: 34%
- Tỷ lệ quyền biểu quyết: 34% |
| 6. Công ty TNHH May và thương mại Việt Thành | - Địa chỉ: Km22+200, tỉnh lộ 282, thôn Khoát Khê, xã Nhân Thắng, huyện Gia Bình, tỉnh Bắc Ninh
- Tỷ lệ phần sở hữu: 35%
- Tỷ lệ quyền biểu quyết: 35% |
| 7. Công ty CP Thương mại và đầu tư Đức Giang | - Địa chỉ: số 59 Đức Giang, Long Biên, Hà Nội
- Tỷ lệ phần sở hữu: 30%
- Tỷ lệ quyền biểu quyết: 30% |
| 8. Công ty CP Lạc Thủy | - Địa chỉ: Khu 10, thị trấn Chi Nê, Lạc Thủy, Hòa Bình
- Tỷ lệ phần sở hữu: 37 %
- Tỷ lệ quyền biểu quyết: 37% |

II. KỲ KẾ TOÁN, ĐƠN VỊ TIỀN TỆ SỬ DỤNG TRONG KẾ TOÁN

1. Kỳ kế toán

Kỳ kế toán năm của Tổng Công ty bắt đầu từ ngày 01/01 và kết thúc vào ngày 31/12 hàng năm.

2. Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán

Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán là đồng tiền Việt Nam ("VND"), hạch toán theo nguyên tắc giá gốc phù hợp với các quy định của Luật Kế toán Việt Nam số 03/2003/QH11 ngày 17/6/2003 và Chuẩn mực kế toán Việt Nam số 01 - Chuẩn mực chung.

III. CHUẨN MỰC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG

1. Chế độ kế toán áp dụng

Tổng Công ty áp dụng Chế độ kế toán Việt Nam ban hành theo Quyết định số 15/2006/QĐ-BTC ngày 20/03/2006 của Bộ Tài chính và Thông tư số 244/2009/TT-BTC ngày ngày 31/12/2009 của Bộ Tài chính.

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2014

(tiếp theo)

Áp dụng hướng dẫn kế toán

Ngày 6/11/2009, Bộ Tài chính đã ban hành Thông tư 210/2009/TT-BTC (“Thông tư 210”) hướng dẫn áp dụng Chuẩn mực Báo cáo tài chính quốc tế về trình bày báo cáo tài chính và thuyết minh thông tin đối với các công cụ tài chính. Việc áp dụng Thông tư 210 yêu cầu trình bày các thông tin cũng như ảnh hưởng của việc trình bày này đối với một số các công cụ tài chính nhất định trong báo cáo tài chính của doanh nghiệp. Thông tư này có hiệu lực cho năm tài chính kết thúc vào hoặc sau ngày 31/12/2011. Tổng Công ty đã áp dụng Thông tư 210 và trình bày các thuyết minh bổ sung về việc áp dụng này trong báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính 2014 tại thuyết minh V.25.

Ghi nhận ban đầu

Tài sản tài chính: Tại ngày ghi nhận ban đầu, tài sản tài chính được ghi nhận theo giá gốc cộng các chi phí giao dịch có liên quan trực tiếp đến việc mua sắm tài sản tài chính đó. Tài sản tài chính của Tổng Công ty bao gồm tiền, các khoản tương đương tiền, các khoản phải thu khách hàng, phải thu khác, các khoản ký quỹ, các khoản đầu tư tài chính và các công cụ tài chính phái sinh.

Công nợ tài chính: Tại ngày ghi nhận ban đầu, công nợ tài chính được ghi nhận theo giá gốc cộng các chi phí giao dịch có liên quan trực tiếp đến việc phát hành công nợ tài chính đó. Công nợ tài chính của Tổng Công ty bao gồm các khoản phải trả người bán, phải trả khác, các khoản chi phí phải trả, các khoản nợ thuê tài chính, các khoản vay và công cụ tài chính phái sinh.

Đánh giá lại sau lần ghi nhận ban đầu

Hiện tại, chưa có quy định về đánh giá lại công cụ tài chính sau ghi nhận ban đầu.

2. Tuyên bố về việc tuân thủ Chuẩn mực kế toán và Chế độ kế toán

Báo cáo tài chính hợp nhất của Tổng Công ty được lập và trình bày phù hợp với các Chuẩn mực kế toán Việt Nam và Chế độ kế toán Việt Nam hiện hành.

3. Hình thức kế toán áp dụng

Tổng Công ty áp dụng hình thức ghi sổ Nhật ký chung, sử dụng phần mềm kế toán Fast Accounting.

IV. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG

1. Cơ sở lập Báo cáo tài chính hợp nhất

Đầu tư vào Công ty Con

Các công ty con là các đơn vị do Tổng Công ty kiểm soát. Sự kiểm soát được hiểu là khi Tổng Công ty nắm giữ trên 50% quyền biểu quyết trực tiếp tại một công ty hoặc có khả năng trực tiếp chi phối các chính sách tài chính hay hoạt động của một đơn vị để thu được các lợi ích kinh tế từ hoạt động này. Khi đánh giá quyền kiểm soát, có tính đến quyền biểu quyết tiềm năng hiện đang có hiệu lực hay sẽ được chuyển đổi. Báo cáo tài chính của các công ty con được hợp nhất trong báo cáo tài chính hợp nhất từ ngày bắt đầu kiểm soát đến ngày kết thúc kiểm soát.

Báo cáo tài chính hợp nhất của Tổng Công ty được lập trên cơ sở hợp nhất báo cáo tài chính của các Công ty mà Tổng Công ty nắm giữ cổ phần chi phối tại ngày 31/12/2014. Các nghiệp vụ luân chuyển nội bộ và số dư nội bộ giữa Tổng Công ty với các Công ty con đã được loại trừ khi hợp nhất báo cáo tài chính.

Lợi ích của cổ đông thiểu số trong tài sản thuần của công ty con hợp nhất, được xác định là một chỉ tiêu riêng biệt tách khỏi phần vốn chủ sở hữu của cổ đông của Tổng Công ty. Lợi ích của cổ đông thiểu số bao gồm: giá trị các lợi ích của cổ đông thiểu số tại ngày hợp nhất ban đầu và phần lợi ích của cổ đông thiểu số trong sự biến động của tổng vốn chủ sở hữu từ ngày hợp nhất kinh doanh.

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2014

(tiếp theo)

Trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất, lợi ích của cổ đông thiểu số được xác định và trình bày riêng biệt trong mục "Lợi nhuận sau thuế của cổ đông thiểu số". Lợi ích của cổ đông thiểu số được xác định căn cứ vào tỷ lệ lợi ích của cổ đông thiểu số và lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp của các Công ty con.

Đầu tư vào Công ty Liên kết

Kết quả hoạt động kinh doanh, tài sản và công nợ của các công ty liên kết được hợp nhất trong Báo cáo tài chính sử dụng phương pháp vốn chủ sở hữu. Các khoản góp vốn liên kết được trình bày trong Bảng cân đối kế toán theo giá gốc được điều chỉnh theo những thay đổi trong phần vốn góp của Tổng Công ty vào phần tài sản thuần của công ty liên kết sau ngày mua khoản đầu tư. Các khoản lỗ của công ty liên kết vượt quá khoản góp vốn của Tổng Công ty tại công ty liên kết đó không được ghi nhận.

Trường hợp một công ty thành viên của Tổng Công ty thực hiện giao dịch với một công ty liên kết với Tổng Công ty, lãi lỗ chưa thực hiện tương ứng với phần vốn góp của Công ty liên kết chưa được loại bỏ khỏi Báo cáo tài chính hợp nhất.

Báo cáo tài chính dùng để hợp nhất của Công ty CP May Đức Hạnh, Công ty CP Sản xuất thương mại đầu tư Việt Thanh và Công ty CP Lạc Thủy là báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2014 chưa được kiểm toán.

2. Nguyên tắc xác định tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền là chỉ tiêu tổng hợp phản ánh toàn bộ số tiền hiện có của doanh nghiệp tại thời điểm báo cáo, gồm tiền mặt tại quỹ của doanh nghiệp, tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn và tiền đang chuyển, được ghi nhận và lập báo cáo theo đồng Việt Nam (VND), phù hợp với quy định tại Luật Kế toán số 03/2003/QH11 ngày 17/06/2003.

Các khoản tương đương tiền là các khoản đầu tư có thời hạn thu hồi hoặc đáo hạn không quá 3 tháng, có khả năng chuyển đổi thành một lượng tiền xác định và không có rủi ro trong chuyển đổi thành tiền kể từ ngày mua khoản đầu tư đó đến thời điểm lập Báo cáo tài chính, phù hợp với quy định của Chuẩn mực kế toán Việt Nam số 24 - Báo cáo lưu chuyển tiền tệ.

Các khoản tương đương tiền là khoản tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn dưới 3 tháng.

3. Nguyên tắc ghi nhận hàng tồn kho

Hàng tồn kho được ghi nhận theo giá gốc.

Giá gốc hàng tồn kho bao gồm: Chi phí mua, chi phí chế biến và các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại.

Phương pháp tính giá trị hàng tồn kho cuối kỳ: Phương pháp bình quân gia quyền.

Phương pháp hạch toán hàng tồn kho: Phương pháp kê khai thường xuyên.

Phương pháp lập dự phòng giảm giá hàng tồn kho:

Tại thời điểm 31/12/2014, Tổng Công ty không có hàng tồn kho cần trích lập dự phòng giảm giá hàng tồn kho.

4. Nguyên tắc ghi nhận và phương pháp khấu hao TSCĐ

4.1. Nguyên tắc ghi nhận và phương pháp khấu hao TSCĐ hữu hình

Tài sản cố định hữu hình được ghi nhận theo nguyên giá, được phản ánh trên Bảng cân đối kế toán hợp nhất theo các chỉ tiêu nguyên giá, hao mòn lũy kế và giá trị còn lại.

Việc ghi nhận và phương pháp khấu hao Tài sản cố định hữu hình thực hiện theo Chuẩn mực Kế toán Việt Nam số 03 - Tài sản cố định hữu hình, Quyết định số 15/2006/QĐ-BTC ngày 20/03/2006 của Bộ Tài chính và Thông tư 45/2013/TT-BTC ngày 25 tháng 4 năm 2013 hướng dẫn Chế độ quản lý, sử dụng và trích khấu hao tài sản cố định.

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2014
(tiếp theo)

Nguyên giá tài sản cố định hữu hình mua sắm bao gồm giá mua (trừ các khoản chiết khấu thương mại hoặc giảm giá), các khoản thuế và các chi phí liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào trạng thái sẵn sàng sử dụng.

Nguyên giá tài sản cố định do các nhà thầu xây dựng bao gồm giá trị công trình hoàn thành bàn giao, các chi phí liên quan trực tiếp và lệ phí trước bạ.

Nguyên giá tài sản cố định hữu hình tự xây dựng hoặc tự chế bao gồm giá thành thực tế của tài sản cố định hữu hình tự xây dựng hoặc tự chế và chi phí lắp đặt chạy thử.

Các chi phí phát sinh sau ghi nhận ban đầu TSCĐ hữu hình được ghi tăng nguyên giá của tài sản khi các chi phí này chắc chắn làm tăng lợi ích kinh tế trong tương lai. Các chi phí phát sinh không thoả mãn được điều kiện trên được Tổng Công ty ghi nhận vào chi phí sản xuất kinh doanh trong kỳ.

Tổng Công ty áp dụng phương pháp khấu hao đường thẳng đối với tài sản cố định hữu hình. Kế toán TSCĐ hữu hình được phân loại theo nhóm tài sản có cùng tính chất và mục đích sử dụng trong hoạt động sản xuất kinh doanh gồm:

<i>Loại tài sản cố định</i>	<i>Thời gian khấu hao <năm></i>
- Nhà cửa vật kiến trúc	06 - 25
- Phương tiện vận tải	06
- Máy móc thiết bị	05 - 06
- Thiết bị dụng cụ quản lý	03 - 07
- Tài sản cố định khác	03 - 06

4.2. Nguyên tắc ghi nhận và phương pháp khấu hao TSCĐ vô hình

Tài sản cố định vô hình của Tổng Công ty là lợi thế kinh doanh và tài sản cố định vô hình khác.

Việc ghi nhận Tài sản cố định vô hình và Khấu hao tài sản cố định thực hiện theo Chuẩn mực Kế toán Việt Nam số 04 - Tài sản cố định vô hình, Quyết định số 15/2006/QĐ-BTC ngày 20/03/2006 của Bộ Tài chính và Thông tư 45/2013/TT-BTC ngày 25 tháng 4 năm 2013 hướng dẫn Chế độ quản lý, sử dụng và trích khấu hao tài sản cố định.

Tài sản cố định vô hình được ghi nhận theo nguyên giá, được phản ánh trên Bảng cân đối kế toán hợp nhất theo các chỉ tiêu nguyên giá, hao mòn lũy kế và giá trị còn lại.

5. Nguyên tắc ghi nhận các khoản đầu tư tài chính

Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn bao gồm: tiền gửi có kỳ hạn và các khoản hợp tác kinh doanh có thời hạn dưới 1 năm, được ghi nhận theo giá gốc bắt đầu từ ngày gửi hoặc ngày thực hiện hợp tác.

Khoản đầu tư vào Công ty liên kết là khoản đầu tư vào Công ty Cổ phần sản xuất thương mại và đầu tư Việt Thành, Công ty CP Thời trang phát triển cao, Công ty CP Bình Mỹ, Công ty CP May Đức Hạnh, Công ty TNHH May Hưng Nhân, Công ty TNHH May và thương mại Việt Thành, Công ty CP Thương mại và đầu tư Đức Giang và Công ty CP Lạc Thủy được ghi nhận theo phương pháp vốn chủ sở hữu.

Khoản đầu tư dài hạn khác là khoản đầu tư vào Công ty Cổ phần Bảo hiểm hàng không được ghi nhận theo giá gốc và giá mua, bắt đầu từ ngày góp vốn đầu tư.

6. Nguyên tắc ghi nhận và vốn hoá các khoản chi phí đi vay

Các khoản vay ngắn hạn và dài hạn của Tổng Công ty được ghi nhận theo hợp đồng, kế ước vay, phiếu thu, phiếu chi và chứng từ ngân hàng.

Chi phí đi vay được ghi nhận vào chi phí tài chính.

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2014
(tiếp theo)

7. Nguyên tắc ghi nhận và vốn hoá các khoản chi phí khác

Chi phí trả trước dài hạn bao gồm: Chi phí công cụ dụng cụ chờ phân bổ và chi phí trả trước dài hạn khác được phân bổ từ 06 - 36 tháng.

8. Nguyên tắc ghi nhận các khoản chi phí phải trả

Chi phí phải trả là khoản trích trước chi phí được ghi nhận trên cơ sở chi phí thực tế phát sinh nhưng chưa có hóa đơn tài chính.

9. Nguyên tắc ghi nhận và phương pháp ghi nhận dự phòng phải trả

Khoản dự phòng phải trả của Tổng Công ty là dự phòng tiền lương phải trả người lao động. Tổng Công ty đang trích 17% quỹ lương thực hiện trong năm.

10. Nguyên tắc ghi nhận vốn chủ sở hữu

Vốn đầu tư của chủ sở hữu được ghi nhận theo số vốn thực góp của chủ sở hữu.

Thặng dư vốn cổ phần được ghi nhận theo số chênh lệch lớn hơn giữa giá trị thực tế phát hành và mệnh giá cổ phiếu khi phát hành cổ phiếu.

Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối là số lợi nhuận từ hoạt động của doanh nghiệp sau khi trừ chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp của năm nay và các khoản điều chỉnh khác vào lợi nhuận sau thuế TNDN và loại bỏ lợi ích của Cổ đông thiểu số.

11. Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận doanh thu

Doanh thu bao gồm doanh thu bán sản phẩm, hàng hóa là hàng may mặc, thang máy, vải tiết kiệm ... doanh thu hoạt động gia công và doanh thu từ lãi tiền gửi, thu cổ tức.

Doanh thu bán hàng hoá, sản phẩm được xác định theo giá trị hợp lý của các khoản tiền đã thu hoặc sẽ thu được theo nguyên tắc dồn tích, ghi nhận khi chuyển giao hàng hoá cho khách hàng, phát hành hoá đơn và được khách hàng chấp nhận thanh toán, phù hợp với 5 điều kiện ghi nhận doanh thu quy định tại Chuẩn mực kế toán Việt Nam số 14 - "Doanh thu và thu nhập khác".

Doanh thu hoạt động gia công được xác định theo giá trị hợp lý của các khoản tiền đã thu hoặc sẽ thu được theo nguyên tắc dồn tích, ghi nhận khi chuyển giao hàng hóa cho khách hàng, phát hành hóa đơn và được khách hàng chấp nhận thanh toán, phù hợp với 4 điều kiện ghi nhận doanh thu quy định tại Chuẩn mực kế toán Việt Nam số 14 - "Doanh thu và thu nhập khác".

Doanh thu từ lãi tiền gửi, được ghi nhận trên cơ sở thời gian và lãi suất thực tế từng kỳ, phù hợp với 2 điều kiện ghi nhận doanh thu phát sinh từ lãi, tiền bản quyền, cổ tức và lợi nhuận được chia quy định tại Chuẩn mực kế toán Việt Nam số 14 - "Doanh thu và thu nhập khác".

Doanh thu từ cổ tức được ghi nhận khi cổ đông được quyền nhận cổ tức căn cứ vào các thông báo trả cổ tức của các công ty cổ phần và cổ tức thực tế nhận được.

Khoản nhận trước của khách hàng không được ghi nhận là doanh thu trong kỳ.

12. Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận chi phí tài chính

Chi phí tài chính được ghi nhận trong Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất là tổng chi phí tài chính phát sinh trong kỳ, không bù trừ với doanh thu hoạt động tài chính, bao gồm chi phí lãi vay, lỗ do chênh lệch tỷ giá hối đoái, chiết khấu thanh toán, hoàn nhập và trích lập dự phòng giảm giá các khoản đầu tư và các khoản chi phí tài chính khác.

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2014
(tiếp theo)

13. Các nghĩa vụ về thuế

13.1 Thuế Giá trị gia tăng (GTGT)

Tổng Công ty áp dụng việc kê khai, tính thuế GTGT theo hướng dẫn của luật thuế hiện hành với mức thuế suất thuế GTGT là 5% và 10%, thuế GTGT của hàng xuất khẩu là 0%.

13.2 Thuế Thu nhập doanh nghiệp

Tổng Công ty áp dụng mức thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp là 22 % trên lợi nhuận chịu thuế.

Việc xác định thuế Thu nhập doanh nghiệp căn cứ vào các quy định hiện hành về thuế. Tuy nhiên, những quy định này thay đổi theo từng thời kỳ và việc xác định sau cùng về thuế Thu nhập doanh nghiệp tùy thuộc vào kết quả kiểm tra của cơ quan thuế có thẩm quyền.

13.3 Các loại thuế khác

Các loại thuế, phí khác Tổng Công ty thực hiện kê khai và nộp cho cơ quan thuế theo đúng quy định hiện hành của Nhà nước.

14. Các nguyên tắc và phương pháp kế toán khác

14.1 Ghi nhận các khoản phải thu, phải trả

Nguyên tắc xác định các khoản phải thu khách hàng dựa theo Hợp đồng và ghi nhận theo Hoá đơn bán hàng xuất cho khách hàng.

Khoản trả trước cho người bán được hạch toán căn cứ vào phiếu chi, chứng từ ngân hàng và Hợp đồng kinh tế.

Nguyên tắc xác định khoản phải trả người bán dựa theo Hợp đồng, phiếu nhập kho và ghi nhận theo Hoá đơn mua hàng của bên mua.

Khoản người mua trả trước được ghi nhận căn cứ vào hợp đồng, phiếu thu, chứng từ ngân hàng.

Phương pháp lập dự phòng phải thu khó đòi

Dự phòng phải thu khó đòi được trích lập cho những khoản thu đã quá hạn thanh toán theo qui định tại Thông tư 228/2009/TT-BTC ngày 7/12/2009.

14.2 Nguyên tắc ghi nhận chi phí xây dựng cơ bản dở dang

Chi phí xây dựng cơ bản dở dang của Tổng Công ty là chi phí Xây dựng công trình Nhà liên cơ - Tổng Công ty Đức Giang. Các tài sản này đang trong quá trình xây dựng phục vụ mục đích sản xuất được ghi nhận theo giá gốc, tại thời điểm có nghiệm thu hoặc khi chi phí thực tế phát sinh có đầy đủ hoá đơn, chứng từ hợp pháp.

Ghi nhận các khoản vay ngắn hạn, dài hạn

Các khoản vay ngắn hạn, dài hạn được ghi nhận trên cơ sở các phiếu thu, chứng từ ngân hàng, các khế ước vay và hợp đồng vay. Các khoản vay có thời hạn từ 1 năm tài chính trở xuống được Tổng Công ty ghi nhận là vay ngắn hạn. Các khoản vay có thời hạn trên 1 năm tài chính được Tổng Công ty ghi nhận là vay dài hạn.

14.3 Nguyên tắc ghi nhận giá vốn

Giá vốn hàng bán được ghi nhận và tập hợp theo giá trị và số lượng thành phẩm, hàng hoá, vật tư xuất bán cho khách hàng, phù hợp với doanh thu ghi nhận trong kỳ.

Giá vốn dịch vụ được ghi nhận theo chi phí thực tế phát sinh để hoàn thành dịch vụ, phù hợp với doanh thu ghi nhận trong kỳ.

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2014

(tiếp theo)

V. Thông tin bổ sung cho các khoản mục trình bày trong Bảng cân đối kế toán**1. Tiền và các khoản tương đương tiền**

	31/12/2014	01/01/2014
	VND	VND
Tiền mặt tại quỹ	199.420.246	159.955.599
Tiền gửi ngân hàng	27.874.323.119	35.985.524.036
VND	6.519.409.978	2.676.984.177
Ngân hàng Công thương VN - CN Chương Dương	5.968.321.734	1.923.467.381
Ngân hàng Đầu tư chi nhánh Bắc Hà Nội	14.894.882	14.852.407
Ngân hàng TMCP Quân Đội	96.250.844	95.914.872
Ngân hàng Teckcombank chi nhánh Chương Dương	2.279.042	3.045.617
Ngân hàng TMCP An Bình chi nhánh Hà Nội	142.596.812	51.294.406
Ngân hàng TMCP Quốc tế	59.769.418	14.414.985
Công ty Cổ phần Chứng khoán phố WALL	-	369.552.158
Ngân hàng TMCP Dầu khí toàn cầu PGD Đông	-	43.661.588
Ngân hàng TMCP Đại Dương	-	17.801.831
Ngân hàng Vietinbank - CN Thanh Xuân	112.220.707	116.757.147
Ngân hàng TMCP Việt Nam Thịnh Vượng	122.558.588	26.221.785
Ngân hàng TMCP XNK Việt Nam- CN Ba Đình	517.951	-
USD	21.354.913.141	33.308.539.859
Ngân hàng Công thương VN - CN Chương Dương	9.085.197.510	19.976.974.394
Ngân hàng Đầu tư chi nhánh Bắc Hà Nội	127.233.618	125.612.201
Ngân hàng VID Public Bank	43.373.509	43.151.603
Ngân hàng TMCP Quân Đội	89.889.412	88.621.163
Ngân hàng Teckcombank chi nhánh Chương Dương	64.891.914	64.751.647
Ngân hàng TMCP An Bình chi nhánh Hà Nội	2.978.893.359	831.174.668
Ngân hàng TMCP Quốc tế	8.505.651.053	56.747.405
Ngân hàng TMCP Dầu khí Toàn cầu	-	4.148.539
Ngân hàng TMCP xăng dầu Petrolimex CN Thanh Xuân	-	7.196.307
Ngân hàng Đầu tư và phát triển Thái Bình	184.152.038	10.607.439.692
Ngân hàng TMCP Việt Nam Thịnh Vượng	192.985.697	1.502.722.240
Ngân hàng TMCP XNK Việt Nam- CN Ba Đình	82.645.031	-
Các khoản tương đương tiền	148.699.258.449	112.670.534.959
<i>Ngân hàng TMCP An Bình - Chi nhánh Hà Nội</i>	<i>118.699.258.449</i>	<i>63.931.899.378</i>
<i>Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam - CN Chương Dương</i>	<i>10.000.000.000</i>	<i>-</i>
<i>Ngân hàng TMCP Công Thương Việt Nam- CN Thanh Xuân</i>	<i>20.000.000.000</i>	<i>10.000.000.000</i>
<i>Ngân hàng TMCP Việt Nam Thịnh Vượng</i>	<i>-</i>	<i>5.000.000.000</i>
<i>Ngân hàng TMCP An Bình - Chi nhánh Hà Nội (USD)</i>	<i>-</i>	<i>33.738.635.581</i>
Tiền đang chuyển	-	187.560.000
Tổng cộng	176.773.001.814	149.003.574.594

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2014

(tiếp theo)

2. Đầu tư ngắn hạn khác

	31/12/2014	01/01/2014
	VND	VND
Cho Công ty CP Lạc Thủy vay ngắn hạn	4.000.000.000	-
Tổng cộng	4.000.000.000	-

3. Các khoản phải thu khác

	31/12/2014	01/01/2014
	VND	VND
Thuế GTGT chờ kê khai	9.498.695.311	9.563.598.331
Thuế TNCN phải thu của người lao động	146.477.658	160.034.509
Các đối tượng khác	398.226.180	265.054.906
Tổng cộng	10.043.399.149	9.988.687.746

4. Hàng tồn kho

	31/12/2014	01/01/2014
	VND	VND
Nguyên liệu, vật liệu	29.045.334.146	24.872.606.958
Công cụ, dụng cụ	38.679.670	58.662.936
Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang	48.516.855.657	76.186.342.059
Thành phẩm	47.422.165.104	70.323.279.141
Hàng hoá	169.513.716	1.090.005.032
Hàng gửi đi bán	48.267.573	13.825.066
Tổng cộng giá gốc hàng tồn kho	125.240.815.866	172.544.721.192

5. Thuế và các khoản phải thu nhà nước

	31/12/2014	01/01/2014
	VND	VND
Thuế GTGT	18.000.000	18.000.000
Tổng cộng	18.000.000	18.000.000

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2014

(tiếp theo)

Đơn vị tính: VND

6. Tăng giảm tài sản cố định hữu hình

Khoản mục	Nhà cửa vật kiến trúc	Máy móc thiết bị	Phương tiện vận tải	Thiết bị dụng cụ quản lý	Thiết bị khác	Tổng cộng
Nguyên giá TSCĐ hữu hình						
Số dư ngày 1/1/2014	45.751.305.854	19.093.119.131	6.207.262.557	1.345.651.992	3.515.320.818	75.912.660.352
- Mua trong năm	-	3.161.380.909	3.897.250.908	338.870.000	854.401.545	8.251.903.362
- Đầu tư XD/CB hoàn thành	-	-	-	-	-	-
- Tăng khác	-	-	-	-	-	-
- Chuyển sang BĐS đầu tư	-	-	-	-	-	-
- Thanh lý, nhượng bán	-	-	(342.113.143)	(222.698.070)	-	(564.811.213)
- Giảm khác	-	-	-	-	-	-
Số dư ngày 31/12/2014	45.751.305.854	22.254.500.040	9.762.400.322	1.461.823.922	4.369.722.363	83.599.752.501
Giá trị hao mòn lũy kế						
Số dư ngày 1/1/2014	24.522.463.235	10.931.104.459	5.561.174.744	1.286.420.359	3.085.454.982	45.386.617.779
- Khấu hao trong năm	1.288.254.291	6.016.845.215	954.969.482	132.255.429	292.201.118	8.684.525.535
- Thanh lý, nhượng bán	-	-	(342.113.143)	(222.698.070)	-	(564.811.213)
- Giảm khác	-	-	-	-	-	-
Số dư ngày 31/12/2014	25.810.717.526	16.947.949.674	6.174.031.083	1.195.977.718	3.377.656.100	53.506.332.101
Giá trị còn lại						
Tại ngày 01/01/2014	21.228.842.619	8.162.014.672	646.087.813	59.231.633	429.865.836	30.526.042.573
Tại ngày 31/12/2014	19.940.588.328	5.306.550.366	3.588.369.239	265.846.204	992.066.263	30.093.420.400

Nguyên giá tài sản cố định đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng: 36.646.814.568 VND

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2014

(tiếp theo)

7. Tài sản cố định vô hình

Đơn vị tính: VND

	Tài sản cố định khác	Lợi thế kinh doanh	Tổng cộng
Nguyên giá			
Số dư tại ngày 01/01/2014	57.277.000	1.376.124.616	1.433.401.616
Tăng trong kỳ	-	-	-
Số dư tại ngày 31/12/2014	57.277.000	1.376.124.616	1.433.401.616
Giá trị hao mòn lũy kế			
Số dư tại ngày 01/01/2014	28.946.445	1.376.124.616	1.405.071.061
Khấu hao trong kỳ	28.330.555	-	28.330.555
Giảm do xác định lại giá trị doanh nghiệp	-	-	-
Số dư tại ngày 31/12/2014	57.277.000	1.376.124.616	1.433.401.616
Giá trị còn lại			
Tại ngày 01/01/2014	28.330.555	-	28.330.555
Tại ngày 31/12/2014	-	-	-

8. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

	31/12/2014	01/01/2014
	VND	VND

Công trình nhà liên cơ - Tổng Công ty Đức Giang	392.791.818	188.246.364
Tổng cộng	392.791.818	188.246.364

9. Các khoản đầu tư tài chính dài hạn

	01/01/2014		31/12/2014	
	Số lượng (CP)	Giá trị (VND)	Số lượng (CP)	Giá trị (VND)
Đầu tư vào công ty liên kết, liên doanh		90.057.090.419		86.689.626.049
Công ty Cổ phần SXTM đầu tư Việt Thanh	275.881	3.289.573.208	229.901	3.201.022.949
Công ty CP thời trang phát triển Cao	560.000	6.637.257.054	560.000	6.347.454.785
Công ty CP Bình Mỹ	857.645	8.582.580.505	857.252	8.573.026.082
Công ty CP May Đức Hạnh	900.000	3.122.497.795	780.602	6.132.570.838
Công ty TNHH May Hưng Nhân		33.146.087.832	-	30.803.846.436
Công ty TNHH may và TM Việt Thành		11.505.709.534	-	14.811.899.183

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2014

(tiếp theo)

Công ty CP TM và Đầu tư Đức Giang		17.776.337.836	900.000	16.819.805.776
Công ty CP Lạc Thủy	600.000	5.997.046.655	-	-
Đầu tư dài hạn khác		5.000.000.000		5.000.000.000
Công ty CP Bảo hiểm hàng không	500.000	5.000.000.000	500.000	5.000.000.000
Tổng cộng		95.057.090.419		91.689.626.049
10. Chi phí trả trước dài hạn			31/12/2014	01/01/2014
			VND	VND
Chi phí dụng cụ			1.387.306.993	2.652.012.366
Trả trước chi phí thuê xe ô tô			190.000.000	210.000.000
Công cụ dụng cụ chờ phân bổ			1.310.488.599	38.006.681
Chi phí trả trước khác			127.675.930	790.503.175
Tổng cộng			3.015.471.522	3.690.522.222
11. Vay và nợ ngắn hạn			31/12/2014	01/01/2014
			VND	VND
Vay ngắn hạn			34.833.483.336	7.379.750.000
Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam - CN Chương Dương			30.323.167.088	7.379.750.000
Ngân hàng TMCP XNK VN (Eximbank) CN Ba Đình (**)			4.510.316.248	-
Tổng cộng			34.833.483.336	7.379.750.000
Trong đó:				
(*) Hợp đồng tín dụng số 01/2013-HỆTDHM/NHCT128-DUGARCO ngày 23/12/2013 với Ngân hàng TMCP Công Thương Việt Nam - CN Chương Dương, hạn mức cho vay là 100.000.000.000 đồng, thời hạn vay từ ngày 23/12/2013 đến 15/12/2014, lãi suất quy định cụ thể theo từng giấy nhận nợ, mục đích vay để bổ sung vốn lưu động phục vụ hoạt động sản xuất kinh doanh. Đã nhận nợ theo giấy nhận nợ số 01 ngày 23/12/2013 số tiền 350.000 USD, thời hạn 3 tháng, lãi suất 3.2%.				
(**) Hợp đồng tín dụng số 1700-LAW-201400363 ngày 28/03/2014. Hạn mức tín dụng là 110.000.000.000 đồng. Mục đích vay để bổ sung vốn lưu động phục vụ sản xuất kinh doanh. Thời hạn giải ngân đến hết 28/03/2015. Lãi suất cho vay áp dụng cho từng lần giải ngân và được điều chỉnh 01 tháng 1 lần.				
12. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước			31/12/2014	01/01/2014
			VND	VND
Thuế GTGT hàng bán nội địa			1.429.921.352	2.541.228.625
Thuế Thu nhập doanh nghiệp			3.522.184.842	3.989.487.486
Thuế TNCN			513.861.786	680.792.050
Tổng cộng			5.465.967.980	7.211.508.161

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2014

(tiếp theo)

13. Chi phí phải trả

	31/12/2014	01/01/2014
	VND	VND
Chi phí gia công	750.483.276	-
Tổng cộng	750.483.276	-

14. Các khoản phải trả, phải nộp ngắn hạn khác

	31/12/2014	01/01/2014
	VND	VND
Tài sản thừa chờ xử lý	2.429.863.213	1.697.190.587
Kinh phí công đoàn	3.442.827.828	2.525.480.250
Bảo hiểm xã hội, y tế	241.338.155	2.990.118.775
Bảo hiểm thất nghiệp	-	70.501.582
Kinh phí hoạt động công tác đảng	1.043.501.518	856.022.006
Phải trả, phải nộp khác	1.574.176.300	1.573.981.116
Lãi vay dài hạn phải trả cá nhân	1.335.307.594	1.335.307.594
Lãi trái phiếu, cổ phiếu	228.429.887	228.429.887
Phải trả phải nộp khác	10.438.819	10.243.635
Thù lao trả cho hội đồng thành viên	38.700.000	
Tổng cộng	6.340.543.801	8.016.103.729

15. Vay và nợ dài hạn

	31/12/2014	01/01/2014
	VND	VND
Vay dài hạn	2.480.164.353	2.480.164.353
Vay dài hạn của CBCNV (*)	2.394.856.040	2.394.856.040
Vay Prominent Apparel Limited	85.308.313	85.308.313
Tổng cộng	2.480.164.353	2.480.164.353

Trong đó:

(*) Vay dài hạn là các khoản huy động vốn của cán bộ nhân viên trong Tổng Công ty. Những khoản huy động từ năm 2001 và 2005 theo quyết định số 456/QĐ của Tổng Giám đốc ngày 28/01/2001 và Quyết định số 297/QĐ - VP ngày 30/03/2005, các khoản vay này không lãi suất.

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2014

(tiếp theo)

16. Vốn chủ sở hữu

Đơn vị tính: VND

16.1. Bảng đối chiếu biến động của vốn chủ sở hữu

	Vốn đầu tư của chủ sở hữu	Thặng dư vốn cổ phần	Vốn khác của chủ sở hữu	Chênh lệch tỷ giá hối đoái	Lợi nhuận chưa phân phối	Tổng cộng
Số dư tại ngày 01/01/2013	61.811.600.000	10.578.536.303	3.158.493.310	-	48.932.626.471	124.481.256.084
- Lãi trong năm trước	-	-	-	-	47.006.398.548	47.006.398.548
- Tăng khác	-	-	-	638.912.042	-	638.912.042
- Phân phối quỹ	-	-	-	-	(8.161.708.410)	(8.161.708.410)
- Chia cổ tức năm 2011, 2012	-	-	-	-	(11.154.310.000)	(11.154.310.000)
- Giảm khác	-	(578.536.303)	-	(638.912.042)	(471.908.949)	(1.689.357.294)
Số dư tại ngày 31/12/2013	61.811.600.000	10.000.000.000	3.158.493.310	-	76.151.097.660	151.121.190.970
- Lãi trong năm nay	-	-	-	-	48.584.309.130	48.584.309.130
- Tăng khác	-	-	-	-	3.147.735.648	3.147.735.648
- Phân phối quỹ	-	-	-	-	(16.138.304.428)	(16.138.304.428)
- Chia cổ tức	-	-	-	-	(18.543.480.601)	(18.543.480.601)
- Giảm khác	-	(10.000.000.000)	-	-	(451.212.181)	(10.451.212.181)
Số dư tại ngày 31/12/2014	61.811.600.000	-	3.158.493.310	-	92.750.145.228	157.720.238.538

16.2. Chi tiết vốn đầu tư của chủ sở hữu

	31/12/2014 VND	01/01/2014 VND
Tập đoàn Dệt May Việt Nam	22.740.680.000	22.740.680.000
Công ty CP Chứng khoán Phố Wall	8.349.800.000	8.349.800.000
Công ty TNHH Du lịch Mỹ Việt	3.578.500.000	3.578.500.000
Vốn góp của các đối tượng khác	27.142.620.000	27.142.620.000
Cộng	61.811.600.000	61.811.600.000

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2014

(tiếp theo)

16.3. Các giao dịch về vốn với các chủ sở hữu và phân phối cổ tức, chia lợi nhuận

	Năm 2014 VND	Năm 2013 VND
Vốn đầu tư của chủ sở hữu		
Vốn góp đầu năm	61.811.600.000	61.811.600.000
Vốn góp tăng trong năm	-	-
Vốn góp giảm trong năm	-	-
Vốn góp cuối năm	61.811.600.000	61.811.600.000
Cổ tức, lợi nhuận đã chia	18.543.480.601	11.154.310.000

16.4. Cổ tức

	Năm 2014 VND	Năm 2013 VND
Cổ tức đã công bố sau ngày kết thúc kỳ kế toán năm:	18.543.480.601	11.154.310.000
Cổ tức đã công bố trên cổ phiếu phổ thông:	18.543.480.601	11.154.310.000
Cổ tức đã công bố trên cổ phiếu ưu đãi:	-	-
Cổ tức của cổ phiếu ưu đãi lũy kế chưa được ghi nhận:	-	-

16.5. Cổ phiếu

	Năm 2014	Năm 2013
Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành:	6.181.160	6.181.160
Số lượng cổ phiếu bán ra công chúng:	6.181.160	6.181.160
<i>Cổ phiếu phổ thông:</i>	<i>6.181.160</i>	<i>6.181.160</i>
<i>Cổ phiếu ưu đãi:</i>	<i>-</i>	<i>-</i>
Số lượng cổ phiếu được mua lại:	-	-
<i>Cổ phiếu phổ thông:</i>	<i>-</i>	<i>-</i>
<i>Cổ phiếu ưu đãi:</i>	<i>-</i>	<i>-</i>
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành:	6.181.160	6.181.160
<i>Cổ phiếu phổ thông:</i>	<i>6.181.160</i>	<i>6.181.160</i>
<i>Cổ phiếu ưu đãi:</i>	<i>-</i>	<i>-</i>
Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành:	10.000 đồng/Cổ phiếu	

16.6. Các quỹ của công ty

Chỉ tiêu	01/01/2014	Số tăng trong năm	Số giảm trong năm	Đơn vị tính: VND	
					31/12/2014
Quỹ đầu tư phát triển	19.345.987.082	2.849.365.571	-	22.195.352.653	
Quỹ dự phòng tài chính	12.127.704.506	4.388.512.571	-	16.516.217.077	
Tổng cộng	31.473.691.588	7.237.878.142	-	38.711.569.730	

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2014

(tiếp theo)

(*) Mục đích trích lập và sử dụng các quỹ của doanh nghiệp

Quỹ đầu tư phát triển của doanh nghiệp đang tạm phân phối từ phần lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp và được sử dụng để bổ sung vốn điều lệ của Tổng Công ty bằng việc đầu tư mở rộng quy mô sản xuất, kinh doanh hoặc đầu tư chiều sâu của doanh nghiệp.

Quỹ dự phòng tài chính của doanh nghiệp được dùng để bù đắp những tổn thất, thiệt hại về tài sản, công nợ không đòi được xảy ra trong quá trình kinh doanh hoặc để bù đắp những khoản lỗ của Tổng Công ty theo quyết định của Hội đồng quản trị (hoặc đại diện chủ sở hữu). Quỹ dự phòng tài chính được trích lập từ phần lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp.

17. Nguồn kinh phí

	Năm 2014 VND	Năm 2013 VND
Nguồn kinh phí còn lại đầu năm	100.990.000	100.990.000
Nguồn kinh phí được cấp trong năm	-	-
Chi sự nghiệp	-	-
Nguồn kinh phí còn lại cuối năm	100.990.000	100.990.000

VI. Thông tin bổ sung cho các khoản mục trình bày trong Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh**18. Doanh thu thuần bán hàng và cung cấp dịch vụ**

	Năm 2014 VND	Năm 2013 VND
Doanh thu bán hàng hóa và dịch vụ	1.823.238.640.344	1.578.016.358.105
Tổng cộng	1.823.238.640.344	1.578.016.358.105

19. Các khoản giảm trừ doanh thu

	Năm 2014 VND	Năm 2013 VND
Hàng bán bị trả lại	8.161.203.702	55.959.400
Tổng cộng	8.161.203.702	55.959.400

20. Doanh thu thuần bán hàng và cung cấp dịch vụ

	Năm 2014 VND	Năm 2013 VND
Doanh thu bán hàng hóa và dịch vụ	1.815.077.436.642	1.577.960.398.705
Tổng cộng	1.815.077.436.642	1.577.960.398.705

21. Giá vốn hàng bán

	Năm 2014 VND	Năm 2013 VND
Giá vốn bán hàng hóa và dịch vụ	1.633.855.359.563	1.443.451.904.431
Tổng cộng	1.633.855.359.563	1.443.451.904.431

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2014

(tiếp theo)

22. Doanh thu hoạt động tài chính

	Năm 2014 VND	Năm 2013 VND
Lãi tiền gửi, tiền cho vay	1.936.176.719	10.639.836.976
Cổ tức, lợi nhuận được chia	674.802.000	344.818.110
Lãi chênh lệch tỷ giá đã thực hiện	5.842.651.150	5.377.206.510
Lãi chênh lệch tỷ giá chưa thực hiện	647.806.839	-
Tổng cộng	9.101.436.708	16.361.861.596

23. Chi phí tài chính

	Năm 2014 VND	Năm 2013 VND
Chi phí lãi vay	677.410.875	1.008.910.216
Lỗ chênh lệch tỷ giá đã thực hiện	6.907.310.787	2.967.603.744
Lỗ chênh lệch tỷ giá chưa thực hiện	-	652.205.352
Lỗ từ hoạt động đầu tư chứng khoán	-	3.313.950.000
Hoàn nhập các khoản dự phòng đầu tư tài chính	-	(3.393.275.660)
Chi phí tài chính khác	-	26.518.942
Tổng cộng	7.584.721.662	4.575.912.594

24. Lãi cơ bản trên cổ phiếu

	Năm 2014 VND	Năm 2013 VND
Lợi nhuận kế toán sau thuế thu nhập doanh nghiệp	48.584.309.130	47.006.398.548
Các khoản điều chỉnh tăng hoặc giảm lợi nhuận kế toán để xác định lợi nhuận hoặc lỗ phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông	-	-
Các khoản điều chỉnh tăng	-	-
Các khoản điều chỉnh giảm	-	-
Lợi nhuận phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông	48.584.309.130	47.006.398.548
Cổ phiếu phổ thông đang lưu hành bình quân trong kỳ	6.181.160	6.181.160
Lãi cơ bản trên cổ phiếu	7.860	7.605

25. Công cụ tài chính**Quản lý rủi ro vốn**

Tổng Công ty quản trị nguồn vốn nhằm đảm bảo rằng Tổng Công ty có thể vừa hoạt động liên tục vừa tối đa hóa lợi ích của các cổ đông thông qua tối ưu hóa số dư nguồn vốn và công nợ.

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2014

(tiếp theo)

Cấu trúc vốn của Tổng Công ty gồm có các khoản nợ thuần (bao gồm các khoản vay như đã trình bày tại thuyết minh số V.11 và V.16, trừ đi tiền và các khoản tương đương tiền), phần vốn thuộc chủ sở hữu của các cổ đông của Công ty mẹ (bao gồm vốn góp, các quỹ dự trữ cộng với lợi nhuận sau thuế chưa phân phối).

Các chính sách kế toán chủ yếu

Chi tiết các chính sách kế toán chủ yếu và các phương pháp mà Tổng Công ty áp dụng (bao gồm các tiêu chí để ghi nhận, cơ sở xác định giá trị và cơ sở ghi nhận các khoản thu nhập và chi phí) đối với từng loại tài sản tài chính và công nợ tài chính trình bày tại Thuyết minh số IV.

Các loại Công cụ tài chính

	Giá trị ghi sổ	
	31/12/2014	01/01/2014
	VND	VND
Tài sản tài chính		
Tiền và các khoản tương đương tiền	176.773.001.814	149.003.574.594
Các khoản đầu tư tài chính	9.000.000.000	5.000.000.000
Phải thu khách hàng và phải thu khác	206.601.850.618	142.990.836.367
Công nợ tài chính		
Các khoản vay	37.313.647.689	9.859.914.353
Phải trả người bán và phải trả khác	373.886.931.720	353.155.724.983
Chi phí phải trả	750.483.276	-

Tổng Công ty chưa đánh giá giá trị hợp lý của tài sản tài chính và công nợ tài chính tại ngày 31/12/2014 do Thông tư 210/2009/TT-BTC ngày 06/11/2009 cũng như các quy định hiện hành chưa có hướng dẫn cụ thể về việc xác định giá trị hợp lý của các tài sản tài chính và công nợ tài chính. Thông tư 210/2009/TT-BTC yêu cầu áp dụng Chuẩn mực báo cáo tài chính Quốc tế về việc trình bày báo cáo tài chính và thuyết minh thông tin đối với công cụ tài chính nhưng không đưa ra hướng dẫn tương đương cho việc đánh giá và ghi nhận công cụ tài chính bao gồm cả áp dụng giá trị hợp lý, nhằm phù hợp với Chuẩn mực báo cáo tài chính Quốc tế.

Mục tiêu quản lý rủi ro tài chính

Rủi ro tài chính bao gồm rủi ro thị trường (bao gồm rủi ro tỷ giá, rủi ro lãi suất và rủi ro về giá), rủi ro tín dụng, rủi ro thanh khoản và rủi ro lãi suất của dòng tiền. Tổng Công ty không thực hiện các biện pháp phòng ngừa các rủi ro này do thiếu thị trường mua các công cụ tài chính này.

Rủi ro thị trường

Hoạt động kinh doanh của Tổng Công ty sẽ chịu rủi ro khi có sự thay đổi về tỷ giá hối đoái và lãi suất. Tổng Công ty không thực hiện các biện pháp phòng ngừa rủi ro này do thiếu thị trường mua công cụ tài chính.

Quản lý rủi ro tỷ giá hàng hóa

Tổng Công ty thực hiện một số các giao dịch có gốc ngoại tệ, theo đó, Tổng Công ty sẽ chịu rủi ro khi có biến động về tỷ giá. Công ty không thực hiện biện pháp đảm bảo do thiếu thị trường mua các công cụ tài chính này.

Giá trị ghi sổ của các tài sản bằng tiền và công nợ bằng tiền có gốc bằng ngoại tệ tại thời điểm 31/12/2014 như sau:

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT*Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2014**(tiếp theo)*

	Công nợ		Tài sản	
	31/12/2014	01/01/2014	31/12/2014	01/01/2014
	VND	VND	VND	VND
Đô la Mỹ (USD)	175.887.384.432	151.852.131.630	104.603.509.683	45.944.190.863

Quản lý rủi ro lãi suất

Tổng Công ty chịu rủi ro lãi suất trọng yếu phát sinh từ các khoản vay chịu lãi suất đã được ký kết. Tổng Công ty chịu rủi ro lãi suất khi Tổng Công ty vay vốn theo lãi suất thả nổi và lãi suất cố định. Rủi ro này sẽ do Tổng Công ty quản trị bằng cách duy trì ở mức độ hợp lý các khoản vay lãi suất cố định và lãi suất thả nổi.

Quản lý rủi ro về giá

Tổng Công ty mua nguyên vật liệu, hàng hóa từ các nhà cung cấp trong nước để phục vụ cho hoạt động sản xuất kinh doanh. Do vậy, Tổng Công ty sẽ chịu rủi ro từ việc thay đổi giá bán của nguyên vật liệu, hàng hóa. Tổng Công ty không thực hiện các biện pháp phòng ngừa rủi ro này do thiếu thị trường mua các công cụ tài chính.

Rủi ro tín dụng

Rủi ro tín dụng xảy ra khi một khách hàng hoặc đối tác không đáp ứng được các nghĩa vụ trong hợp đồng dẫn đến các tổn thất tài chính cho Tổng Công ty. Tổng Công ty có chính sách tín dụng phù hợp và thường xuyên theo dõi tình hình để đánh giá xem Tổng Công ty có chịu rủi ro tín dụng hay không. Tổng Công ty chịu rủi ro tín dụng trọng yếu nào với các khách hàng hoặc đối tác bởi vì các khoản phải thu đến từ một số lượng lớn khách hàng hoạt động trong nhiều ngành khác nhau và phân bố ở các khu vực địa lý khác nhau.

Quản lý rủi ro thanh khoản

Mục đích quản lý rủi ro thanh khoản nhằm đảm bảo đủ nguồn vốn để đáp ứng các nghĩa vụ tài chính hiện tại và trong tương lai. Tính thanh khoản cũng được Tổng Công ty quản lý nhằm đảm bảo mức phụ trội giữa công nợ đến hạn và tài sản đến hạn trong kỳ ở mức có thể được kiểm soát đối với số vốn mà Tổng Công ty tin rằng có thể tạo ra trong kỳ đó. Chính sách của Tổng Công ty là theo dõi thường xuyên các yêu cầu về thanh khoản hiện tại và dự kiến trong tương lai nhằm đảm bảo Tổng Công ty duy trì đủ mức dự phòng tiền mặt, các khoản vay và đủ vốn mà các cổ đông cam kết góp nhằm đáp ứng các quy định về tính thanh khoản ngắn hạn và dài hạn hơn.

Bảng dưới đây trình bày chi tiết các mức đáo hạn theo hợp đồng còn lại đối với công nợ tài chính phi phái sinh và thời hạn thanh toán như đã được thỏa thuận. Bảng được trình bày dựa trên dòng tiền chưa chiết khấu của công nợ tài chính tính theo ngày sớm nhất mà Tổng Công ty phải trả. Bảng dưới đây trình bày dòng tiền của các khoản vay gốc. Ngày đáo hạn theo hợp đồng được dựa trên ngày càng sớm nhất mà Tổng Công ty phải trả.

31/12/2014	Dưới 1 năm VND	Từ 1 - 5 năm VND	Tổng cộng VND
Phải trả người bán và phải trả khác	373.845.134.499	41.797.221	373.886.931.720
Chi phí phải trả	750.483.276	-	750.483.276
Các khoản vay	34.833.483.336	2.480.164.353	37.313.647.689
01/01/2014	Dưới 1 năm VND	Từ 1 - 5 năm VND	Tổng cộng VND
Phải trả người bán và phải trả khác	353.143.927.762	11.797.221	353.155.724.983
Các khoản vay	7.379.750.000	2.480.164.353	9.859.914.353

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT*Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2014**(tiếp theo)*

Ban Tổng giám đốc đánh giá mức tập trung rủi ro thanh khoản ở mức thấp. Ban Tổng giám đốc tin tưởng rằng Tổng Công ty có thể tạo ra đủ nguồn tiền để đáp ứng các nghĩa vụ tài chính khi đến hạn.

Bảng sau đây trình bày chi tiết mức đáo hạn cho tài sản tài chính phi phái sinh. Bảng được lập trên cơ sở mức đáo hạn theo hợp đồng chưa chiết khấu của tài sản tài chính gồm lãi từ các tài sản đó, nếu có. Việc trình bày thông tin tài sản tài chính phi phái sinh là cần thiết để hiểu được việc quản lý rủi ro thanh khoản của Tổng Công ty khi tính thanh khoản được quản lý trên cơ sở công nợ và tài sản thuần.

31/12/2014	Dưới 1 năm VND	Từ 1 - 5 năm VND	Tổng cộng VND
Tiền và các khoản tương đương tiền	176.773.001.814	-	176.773.001.814
Các khoản đầu tư tài chính	4.000.000.000	5.000.000.000	9.000.000.000
Phải thu khách hàng và phải thu khác	206.601.850.618	-	206.601.850.618
01/01/2014	Dưới 1 năm VND	Từ 1 - 5 năm VND	Tổng cộng VND
Tiền và các khoản tương đương tiền	149.003.574.594	-	149.003.574.594
Các khoản đầu tư tài chính	-	5.000.000.000	5.000.000.000
Phải thu khách hàng và phải thu khác	142.990.836.367	-	142.990.836.367

VII. Thông tin bổ sung cho các khoản mục trình bày trong Báo cáo lưu chuyển tiền tệ**VIII. Những thông tin khác****1. Những sự kiện phát sinh sau ngày kết thúc kỳ kế toán năm**

Ban Tổng giám đốc Tổng Công ty khẳng định rằng, theo nhận định của Ban Tổng Giám đốc, trên các khía cạnh trọng yếu, không có sự kiện bất thường nào xảy ra sau ngày khoá sổ kế toán làm ảnh hưởng đến tình hình tài chính và hoạt động của Tổng Công ty cần thiết phải điều chỉnh hoặc trình bày trên Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2014.

2. Thông tin về các bên liên quan**2.1 Giao dịch với các bên liên quan**

	Quan hệ với Tổng Công ty	Năm 2014 VND	Năm 2013 VND
Bán hàng			
Bán hàng cho Công ty TNHH May và Thương Mại Việt Thành	Công ty liên kết	2.919.340.483	1.212.539.954
Bán hàng cho Công ty TNHH May Hưng Nhân	Công ty liên kết	10.265.927.965	7.607.818.355
Bán hàng cho Công ty CP SX - TM và đầu tư Việt Thanh	Công ty liên kết	534.816.179	8.268.428.355
Bán hàng cho Công ty Cổ phần Thời trang Phát triển cao	Công ty liên kết	6.136.248.716	3.864.928.845
Bán hàng Công ty CP Thương mại và đầu tư Đức Giang	Công ty liên kết	64.185.338.356	72.704.082.558

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2014

(tiếp theo)

Bán hàng				
Mua hàng của Công ty TNHH May Hưng Nhân	Công ty liên kết	238.869.024.418	37.054.433.762	
Mua hàng của Công ty TNHH May và Thương mại Việt Thành	Công ty liên kết	101.430.694.682	93.346.965.538	
Mua hàng của Công ty Công ty CP SX - TM và Đầu tư Việt Thanh	Công ty liên kết	45.651.836.082	50.767.523.113	
Mua hàng của Công ty Cổ phần Thời trang Phát triển cao	Công ty liên kết	82.773.339.024	60.736.917.752	
Mua hàng Công ty CP Thương mại và đầu tư Đức Giang	Công ty liên kết	8.928.230.834	1.272.680.439	
Mua hàng Công ty CP May Đức Hạnh	Công ty liên kết	51.093.511.909	35.334.627.644	

2.2 Số dư với các bên liên quan

Các khoản phải thu	Quan hệ với Tổng Công ty	31/12/2014	01/01/2014
		VND	VND
Công ty Cổ phần May Đức Hạnh	Công ty liên kết	2.168.916.449	5.401.646.695
Công ty CP Thời trang Phát triển Cao	Công ty liên kết	888.022.922	405.834.369
Công ty TNHH May và TM Việt Thành	Công ty liên kết	1.686.188.132	640.099.251
Công ty TNHH May và TM Việt Thanh	Công ty liên kết	229.437.214	79.001.990
Công ty TNHH May Hưng Nhân	Công ty liên kết	2.635.203.704	2.526.483.983
Công ty CP Thương mại và Đầu tư Đức Giang	Công ty liên kết	61.758.966.031	46.013.962.809
Các khoản phải trả			
Công ty CP Thời Trang Phát triển Cao	Công ty liên kết	13.813.070.610	4.893.107.547
Công ty CP SX - TM và đầu tư Việt Thanh	Công ty liên kết	2.972.637.652	6.441.014.079
Công ty TNHH May và TM Việt Thành	Công ty liên kết	35.651.292.450	41.414.123.824
Công ty TNHH May Hưng Nhân	Công ty liên kết	77.740.073.269	92.383.393.433

2.3. Thu nhập Ban Tổng giám đốc được hưởng trong năm

	Năm 2014
	VND
Lương	2.203.059.711
Thưởng	875.413.671
Tổng cộng	3.078.473.382

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2014

(tiếp theo)

4. Số liệu so sánh

Là số liệu được lấy từ Báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31/12/2013 của Tổng Công ty Đức Giang - Công ty Cổ phần.

Hà Nội, ngày 19 tháng 5 năm 2015

TỔNG CÔNG TY ĐỨC GIANG - CÔNG TY CỔ PHẦN

Người lập

Kế toán trưởng

Tổng Giám đốc



Nguyễn Thị Vân Oanh

Đinh Đức Hải

Phạm Tiến Lâm